

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-KĐCLGDTL ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-KĐCLGDTL ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn Tổ thư ký Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 27 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức đối với hình thức đào tạo chính quy và tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch theo đúng quy định và quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài. Hội đồng thẩm định đã rà soát, đánh giá kết quả đạt được và nhất trí điều chỉnh mức điểm đánh giá Tiêu chí 11.3 từ mức 5/7 thành mức 4/7.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ mức 4 trở lên là 45/50 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (*Chi tiết trong Phụ lục I*). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đạt yêu cầu về chất lượng.

2. Kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tiếp tục phát huy những điểm mạnh, thực hiện các nhóm giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (*Chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Giám đốc TTKĐCLGD Thăng Long;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 01 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,00	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,96	45	90,00

Phụ lục II
KIỆN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 01 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

I. PHÁT HUY NHỮNG ĐIỂM MẠNH

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tiếp tục phát huy những điểm mạnh của chương trình đào tạo Công nghệ thông tin (CTĐT), cụ thể như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học và triển vọng việc làm trong tương lai; phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần có đầy đủ các thông tin theo quy định; được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trên trang thông tin điện tử của Khoa Công nghệ thông tin, các bên liên quan đều có thể tiếp cận. Việc thiết kế chương trình dạy học về cơ bản dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Phương pháp giảng dạy, học tập; phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện trong tất cả các học phần trong chương trình dạy học, về cơ bản phù hợp và góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic. Hầu hết các học phần trong chương trình dạy học được bố trí tương đối hợp lý. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 02 năm 01 lần. Khi điều chỉnh chương trình dạy học, Nhà trường đã tham khảo một số CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài, nội dung cập nhật đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Triết lý giáo dục của Trường được xác định và ban hành chính thức; được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên thực hiện, được giới thiệu, phổ biến đến các bên liên quan. Khoa Công nghệ thông tin và giảng viên giảng dạy CTĐT đã xây dựng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra; hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Sinh viên hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Nhà trường có quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học xác định cụ thể, rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi kết quả học tập đến người học; được công bố công khai, phổ biến tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập của người học. Quy định, quy

trình về khiếu nại kết quả học tập được phổ biến công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và người học. Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng. Nhà trường đã ban hành các Chiến lược phát triển trong từng giai đoạn làm cơ sở để quy hoạch đội ngũ giảng viên. Tiêu chí tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng, công bố công khai. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Năng lực và khối lượng thực hiện nhiệm vụ của giảng viên cơ hữu được đo lường, quản lý, giám sát và đánh giá. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, tuyển dụng, phát triển đúng quy định của Nhà nước và của Trường. Quy trình lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, được công bố công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện. Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo quy định; được rà soát, đánh giá và được công bố công khai bằng nhiều hình thức. Nhà trường có các bộ phận chuyên trách thực hiện việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, tư vấn học tập và hỗ trợ người học trong việc cải thiện kết quả học tập và tìm kiếm việc làm; có phần mềm quản lý đào tạo, có cơ sở dữ liệu liên quan đến học tập, kết quả học tập và rèn luyện của người học. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn. Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, y tế học đường đảm bảo sự an toàn, an ninh trong khu vực Trường. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến theo phương pháp tiếp cận CDIO. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số kết quả nghiên cứu được sử dụng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học hàng năm; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp; loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu; cơ sở dữ liệu của người học được xác lập, theo dõi, giám sát và đối sánh. Nguyên nhân chậm tốt nghiệp được phân tích, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Nhà trường đã ban hành quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học; đã thực hiện các hoạt động khảo sát đối với giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên về chất lượng CTĐT, nghiên cứu khoa học, các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây

dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Tổ chức nghiên cứu nhu cầu nguồn nhân lực Công nghệ thông tin từ các tài liệu đã được công bố hoặc tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động về ngành Công nghệ thông tin để làm căn cứ cho việc rà soát, cập nhật CTĐT; rà soát lại các chuẩn đầu ra, thể hiện rõ ràng hơn kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác và cách viết chuẩn đầu ra để đảm bảo đo lường và đánh giá được; sử dụng 01 bộ chuẩn đầu ra của CTĐT, không ban hành thêm các phiên bản khác để đảm bảo sự thống nhất; rà soát lại sự tuân thủ trong quy trình phát triển CTĐT để đảm bảo sự phù hợp giữa các bước trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT.

2. Cập nhật hoặc tăng cường một số công nghệ mới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin; rà soát lại các đề cương chi tiết học phần của phiên bản 2022 để đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định; rà soát lại tính cần thiết khi Hiệu trưởng phải ký ở tất cả các đề cương chi tiết học phần để đảm bảo tính khả thi; tăng cường tập huấn cho giảng viên, sinh viên về giảng dạy và học tập theo tiếp cận chuẩn đầu ra.

3. Phân tích đặc điểm của từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT mà học phần đó đóng góp để đưa ra các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp; cần đảm bảo thống nhất giữa việc thiết kế đề cương chi tiết học phần và triển khai trong thực tế. Nhà trường, Khoa Công nghệ thông tin cần rà soát lại sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT để đảm bảo tương thích giữa nội dung học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát lại sự đóng góp của các học phần Vật lý 1, 2 vào chuẩn đầu ra của CTĐT; tiếp tục rà soát để đảm bảo tính tương thích/tương hỗ giữa tổ hợp các phương pháp dạy/học và phương pháp kiểm tra/đánh giá với chuẩn đầu ra của tất cả các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; định kỳ tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan như nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về nội dung các học phần và mức độ đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT để có thông tin tốt nhất cho cải tiến CTĐT; rà soát lại việc bố trí một số học phần trong chương trình dạy học để đảm bảo hợp lý hơn.

4. Rà soát lại nội hàm, phân biệt rõ ràng 02 khái niệm của Triết lý giáo dục và Giá trị cốt lõi và sử dụng thống nhất trong các văn bản của Trường; lồng ghép hướng dẫn việc chuyển hóa Triết lý giáo dục vào các hoạt động giảng dạy và học ở các cuộc họp, các hội thảo; mô tả rõ các hoạt động của sinh viên trước, trong và sau giờ lên lớp ở các đề cương chi tiết học phần, đặc biệt là phù hợp với đặc thù từng nội dung của học phần để sinh viên thuận lợi trong việc định hướng phương pháp học tập một cách tốt nhất; đưa thời lượng tự học vào tất cả đề cương chi tiết các học phần và có giải pháp cho việc giám sát số giờ tự học; điều chỉnh, tăng thời gian thực tập doanh nghiệp sớm hơn, không chỉ vào học kỳ cuối; nâng cao trình độ tiếng Anh cho sinh viên bao gồm cả tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành; bổ sung thêm kỹ năng mềm cho sinh viên như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết hồ sơ ứng tuyển, email trao đổi công việc.

5. Xây dựng tài liệu hướng dẫn giúp giảng viên thiết kế phương pháp, công

cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu riêng của mỗi loại chuẩn đầu ra; rà soát, tổng hợp, phân tích mức độ phù hợp của các hình thức thi đối với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần để làm căn cứ cải tiến; rà soát lại quy định thực hiện Đồ án tốt nghiệp đảm bảo tính khả thi; ban hành chính thức tiêu chí đánh giá đồ án tốt nghiệp; xem xét lại quy định “Không tính điểm của thành viên hội đồng (ĐTVk) chênh từ 1,5 điểm trở lên so với điểm trung bình chung của các thành viên tiểu ban chấm đồ án tốt nghiệp”, thay bằng các hình thức khác phù hợp hơn; rà soát lại các khâu ra đề, chấm thi để đảm bảo đúng quy định và đảm bảo sự công bằng, khách quan; rà soát nội dung và phương pháp đánh giá trong các học phần để đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT; bổ sung quy định việc hằng năm định kỳ rà soát, phân tích và đánh giá các phương thức thi/các đề thi của từng học phần bao gồm: Phân tích đánh giá phổ điểm/độ phân biệt của các đề thi, đánh giá độ tin cậy, độ giá trị của các đề thi và đối sánh các kết quả thi, đối sánh giữa các năm học để có cơ sở khoa học điều chỉnh các phương thức thi, các câu hỏi thi/đề thi nhằm đảm bảo đo lường được chính xác và khách quan về mức đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; có giải pháp để khắc phục các lỗi trong hoạt động tổ chức thi và chấm thi đã lặp lại liên tục ở các năm như: Sinh viên ghi nhầm số báo danh, giảng viên cộng nhầm điểm, ghép nhầm phách.

6. Đổi mới hoạt động quản trị và phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo tiếp cận năng lực phù hợp với điều kiện tuyển dụng, đánh giá, đãi ngộ và đào tạo thông qua việc hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực từng vị trí việc làm; xây dựng bộ chỉ số KPIs tích hợp các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tăng cường giám sát, đánh giá đối với giảng viên thỉnh giảng; ban hành quy định về tuyển dụng và đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên; đổi mới chính sách, cơ chế để khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên trong nghiên cứu khoa học; đầu tư và hỗ trợ hình thành các hướng nghiên cứu/nhóm nghiên cứu liên ngành và thúc đẩy công bố bài trên các tạp chí trong nước và quốc tế để phát huy tiềm năng nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên.

7. Bổ sung các yêu cầu, chỉ số về đội ngũ nhân viên trong Chiến lược phát triển Nhà trường; hoàn thiện, chính thức phê duyệt Đề án vị trí việc làm; bổ sung quy định về việc tổng kết, đánh giá các hoạt động liên quan đến đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình PDCA; xây dựng bộ chỉ số đánh giá công việc KPIs.

8. Phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động đối với CTĐT; sử dụng các phương pháp đánh giá tương quan giữa tiêu chí tuyển sinh với năng lực thí sinh một cách bài bản hơn thông qua so sánh, phân tích chất lượng học tập của người học để điều chỉnh chính sách tuyển sinh nhằm thu hút được thí sinh giỏi hơn vào CTĐT; ban hành quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của người học; cập nhật một số văn bản theo quy định; thường xuyên đánh giá phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học; cập nhật Phần mềm tổng hợp dữ liệu về học tập, rèn luyện, theo dõi tiến độ chậm học, thôi học của sinh viên được linh hoạt, kịp thời; khảo sát đa dạng các bên liên quan về việc làm của sinh viên tốt nghiệp, hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt

động thi đua, các dịch vụ hỗ trợ người học và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường. Sớm hoàn thiện, mở rộng diện tích sử dụng trong khuôn viên Trường, bố trí phòng làm việc, sinh hoạt riêng cho các câu lạc bộ.

9. Rà soát hệ thống phòng làm việc và trang thiết bị, bố trí đầy đủ phòng làm việc cho các bộ môn; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý thư viện số để đảm bảo đủ các chức năng phục vụ thống kê, báo cáo và tăng cường hiệu quả công tác của Trung tâm Thông tin Thư viện; rà soát lại giáo trình và tài liệu dạy học theo CTĐT để lên kế hoạch biên soạn, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành; rà soát đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống wifi trong toàn trường để có giải pháp nâng cấp tốc độ đường truyền; phân tích sâu kết quả khảo sát của các bên liên quan để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống công nghệ thông tin; ban hành văn bản Trường về quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn; khảo sát đầy đủ các nội dung và đa dạng các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Rà soát lại hoạt động lập kế hoạch rà soát, đánh giá, phát triển CTĐT, chương trình dạy học; thực hiện đầy đủ quy định thu thập thông tin phản hồi, thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo của các bên liên quan, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp làm cơ sở thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; nâng cấp phần mềm hỗ trợ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tạo dựng cơ sở dữ liệu, trích xuất được số liệu cần thiết; bổ sung hoạt động rà soát quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học, thể hiện đồng bộ trong kế hoạch rà soát CTĐT, chương trình dạy học. Rà soát, cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; cụ thể hóa nhóm các tiêu chí đánh giá quá trình dạy học của giảng viên, đánh giá kết quả học tập của người học và nhóm đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thể hiện đồng bộ trong việc lấy ý kiến các bên liên quan; rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, xây dựng môi trường kết nối nhằm trao đổi thường xuyên, liên tục, chia sẻ kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Xác định các giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên hoàn thành CTĐT đúng thời gian quy định, từng bước cải thiện theo hướng tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước thời hạn và đúng thời hạn quy định; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng quy định của CTĐT để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế học tập của người học; thực hiện đối sánh về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp CTĐT có việc làm và thu nhập với CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước để làm cơ sở cho việc đề xuất các

giải pháp phù hợp đảm bảo tăng tỷ lệ có việc làm, đặc biệt là tỷ lệ việc làm đúng ngành đào tạo; trích đủ tỷ lệ kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên theo quy định của Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho sinh viên triển khai nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, cải tiến chất lượng và nâng cao số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên; thực hiện khảo sát các bên liên quan ngoài Trường thường xuyên/định kỳ về mức độ hài lòng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ; đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa CTĐT ngành Công nghệ thông tin với các CTĐT khác trong cơ sở giáo dục và với các cơ sở giáo dục khác.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.